

**PHỤ LỤC II**

**KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỘ PHẬN MỘT CỬA CẤP HUYỆN, CẤP XÃ THÁNG 8 NĂM 2023**

*(Kèm theo Báo cáo số /BC-PVHCC ngày tháng 9 năm 2023 của Trung tâm Phục vụ hành chính công)*

STT	TÊN CƠ QUAN	Bộ phận Một cửa (BPMC)	TÌNH HÌNH TIẾP NHẬN HỒ SƠ					TÌNH HÌNH TRẢ KẾT QUẢ VÀ GIẢI QUYẾT HỒ SƠ										SỬ DỤNG DỊCH VỤ BCCI			
			Tổng số HSTN trong kỳ	Trong đó				Tổng số HS phải giải quyết	HS kỳ trước chuyển qua	Tổng số HS đã GQ & TKQ	Trong đó						Tổng số hồ sơ	Trong đó		Đạt %	
				HSTN trực tiếp	Đạt %	HSTN trực tuyến	Đạt %				TKQ trước hạn	Đạt %	TKQ đúng hạn	Đạt %	Hồ sơ trễ hạn	Đạt %		Tiếp nhận	Trả kết quả		
1	Huyện Yên Mô	Cấp huyện	365	0	0	365	100	425	60	377	355	94,16	22	5,84	0	0	215	1	214	50,59	
		Cấp xã (17 đơn vị)	3.229	50	1,55	3.179	98,45	3.340	111	3.262	1104	33,84	2158	66,16	0	0	19	2	17	0,57	
2	Thành phố Ninh Bình	Cấp huyện	506	206	40,71	300	59,29	567	61	100	75	75	25	25,00	0	0	0	0	0	0	
		Cấp xã (14 đơn vị)	5.715	21	0,37	5.694	99,63	5.992	277	5.552	478	8,61	5073	91,37	1	0,02	0	0	0	0	
3	Thành phố Tam Điệp	Cấp huyện	253	140	55,34	113	44,66	311	58	207	207	100	0	0	0	0	42	0	42	13,5	
		Cấp xã (9 đơn vị)	1.448	93	6,42	1.355	93,58	1.474	26	1.433	259	18,07	1174	81,93	0	0	123	0	123	8,34	
4	Huyện Gia Viễn	Cấp huyện	93	6	6,45	87	93,55	99	6	100	100	100	0	0	0	0	8	0	8	8,08	
		Cấp xã (21 đơn vị)	3.828	196	5,12	3.632	94,88	4.127	299	3.775	1189	31,5	2586	68,5	0	0	77	26	51	1,87	
5	Huyện Nho Quan	Cấp huyện	1.389	135	9,72	1.254	90,28	1.441	52	245	245	100	0	0	0	0	3	0	3	0	
		Cấp xã (27 đơn vị)	2.457	585	23,81	1.872	76,19	2.511	54	2.680	1026	38,28	1650	61,6	4	0,15	0	0	0	0	
6	Huyện Kim Sơn	Cấp huyện	370	192	51,89	178	48,11	426	56	456	383	83,99	73	16,01	0	0	83	64	19	19,48	
		Cấp xã (25 đơn vị)	2.536	55	2,17	2.481	97,83	2.558	22	2.505	2165	86,43	340	13,57	0	0	416	5	411	16,26	
7	Huyện Hoa Lư	Cấp huyện	88	6	6,82	82	93,18	96	8	85	85	100	0	0	0	0	39	0	39	40,63	
		Cấp xã (11 đơn vị)	1.521	17	1,12	1.504	98,88	1.555	34	1.600	782	48,88	816	51,00	2	0,13	0	0	0	0	
8	Huyện Yên Khánh	Cấp huyện	120	16	13,33	104	86,67	129	9	127	125	98,43	2	1,57	0	0	2	0	2	1,55	
		Cấp xã (19 đơn vị)	4.921	292	5,93	4.629	94,07	4.982	61	4.831	1961	40,59	2868	59,37	2	0,04	222	44	178	4,46	
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>28.839</b>	<b>2.010</b>	<b>6,97</b>	<b>26.829</b>	<b>93,03</b>	<b>30.033</b>	<b>1.194</b>	<b>27.335</b>	<b>10.539</b>	<b>38,55</b>	<b>16.787</b>	<b>61,41</b>	<b>9</b>	<b>0,03</b>	<b>1.249</b>	<b>142</b>	<b>1.107</b>	<b>4,16</b>	